

SINH HỌC 7

CHỦ ĐỀ 7

NGÀNH CHÂN KHỚP

Bài 22: TÔM SÔNG



CHỦ ĐỀ 7: NGÀNH CHÂN KHỚP



Lớp Giáp Xác:
Tôm sông



Lớp Hình Nhện:
Nhện



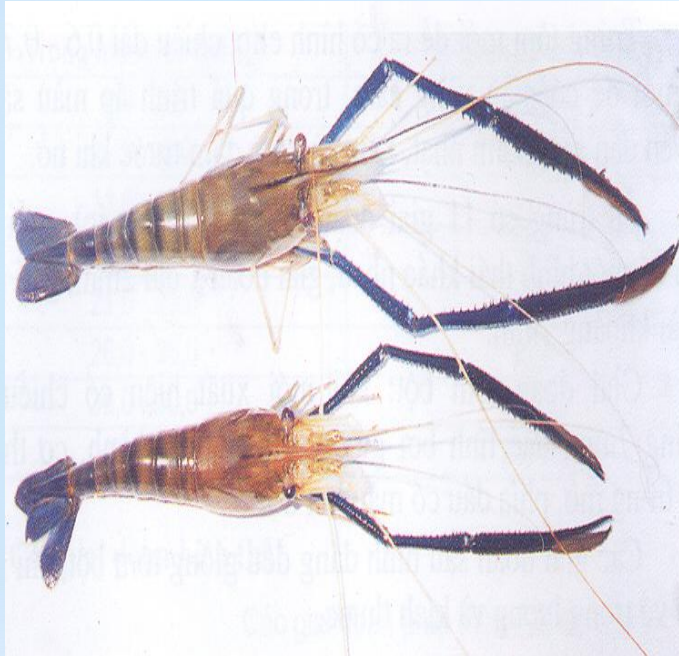
Lớp Sâu Bọ:
Châu chấu

Tìm những đặc điểm chung của ngành chân khớp?

- Ngành chân khớp: Có các phần phụ phân đốt, khớp động với nhau.

CHỦ ĐỀ 7: NGÀNH CHÂN KHỚP

LỚP GIÁP XÁC

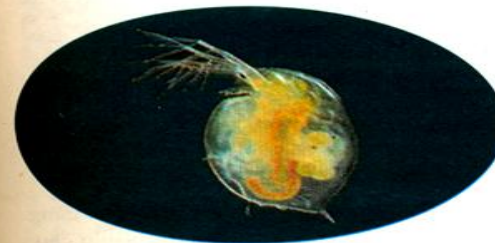


Tôm Sông

trương gập dưới đây :



Hình 24.1. Một ấu
Râu ngắn, các đôi chân đều bỏ được.
Là giáp xác thở bằng mang, ở cạn,
nhưng chúng cần chỗ ẩm ướt.



Hình 24.3. Rận nước



Hình 24.2. Con sun
Sống ở biển, con trưởng thành sống cố định,
thường bám vào vỏ tàu, thuyền, làm giảm tốc
độ di chuyển của phương tiện giao thông thủy.



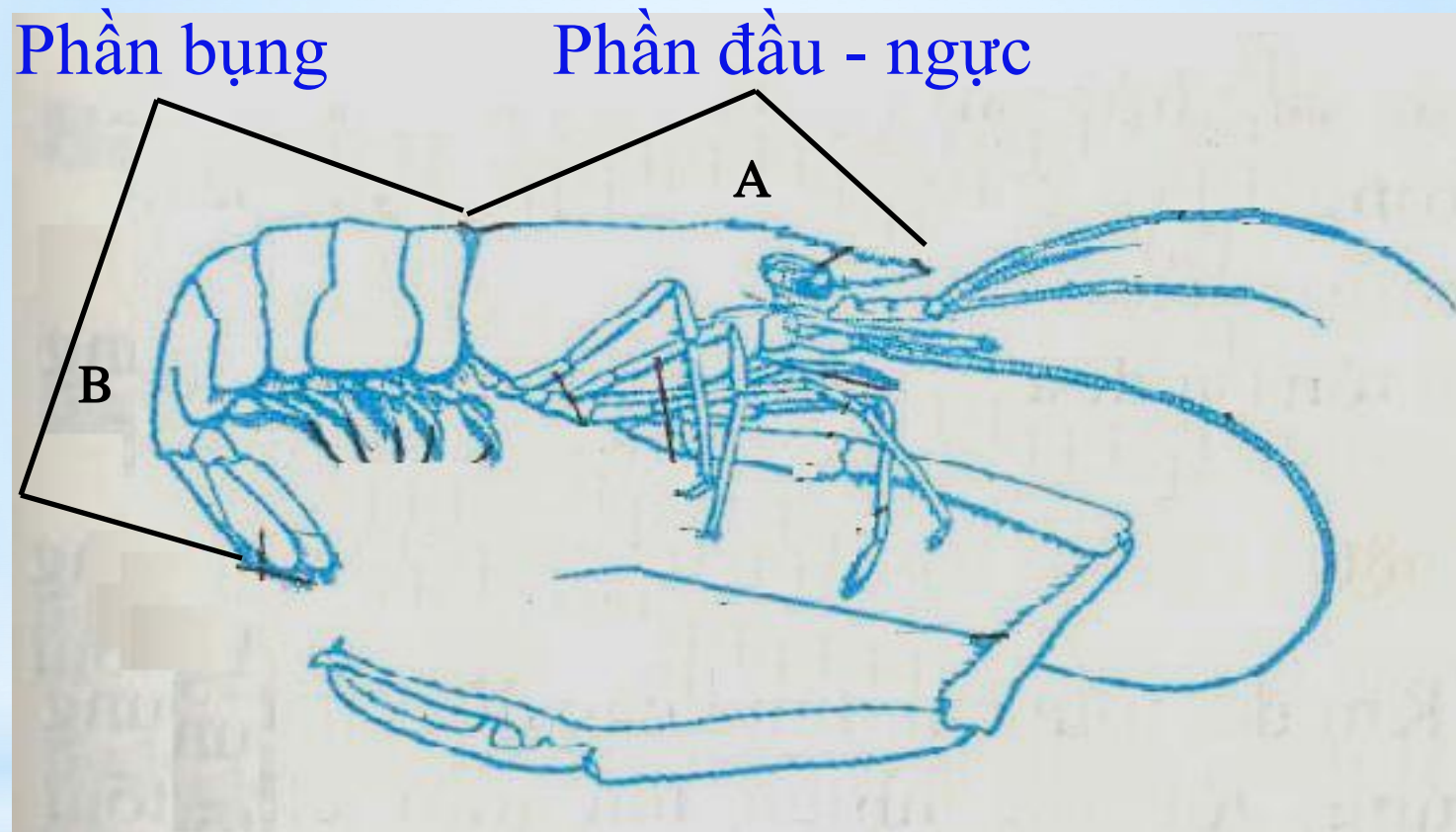
Hình 24.4. Chân kiềm

Đại diện khác

Đặc điểm chung của Lớp giáp xác:
Cơ quan hô hấp là mang

BÀI 22: TÔM SÔNG

I. Cấu tạo ngoài và di chuyển:



Hình 22: Sơ đồ cấu tạo ngoài tôm sông



- Cơ thể tôm có mấy phần? Là những phần nào?

Cơ thể tôm gồm 2 phần: phần đầu ngực và phần bụng

BÀI 22: TÔM SÔNG

I. Cấu tạo ngoài và di chuyển:

1. Vỏ cơ thể:



- **Bóc một khoanh vỏ tôm, nhận xét độ cứng của vỏ tôm?**

- **Vỏ tôm cứng**

- **Vỏ tôm cấu tạo bằng gì?**

- **Vỏ cơ thể cấu tạo bằng Kitin ngấm thêm canxi.**

- **Vỏ tôm có chức năng gì?**

- **Chức năng: +Che chở, bảo vệ cơ thể.
+ Là chỗ bám của hệ cơ.**

BÀI 22: TÔM SÔNG

I. Cấu tạo ngoài và di chuyển:

1. Vỏ cơ thể:



Tôm sống



Tôm chết

- Khi tôm sống và chết màu sắc vỏ khác nhau như thế nào?
- Khi tôm sống: Thành phần vỏ cơ thể chứa các sắc tố làm tôm có màu sắc của môi trường.
- Khi chết: vỏ tôm có màu hồng.

BÀI 22: TÔM SÔNG

I. Cấu tạo ngoài và di chuyển:

1. Vỏ cơ thể:

2. Các phần phụ tôm và chức năng:

3. Di chuyển:

Tôm có các hình thức di chuyển như: bò, bơi (tiến, lùi), bật nhảy.

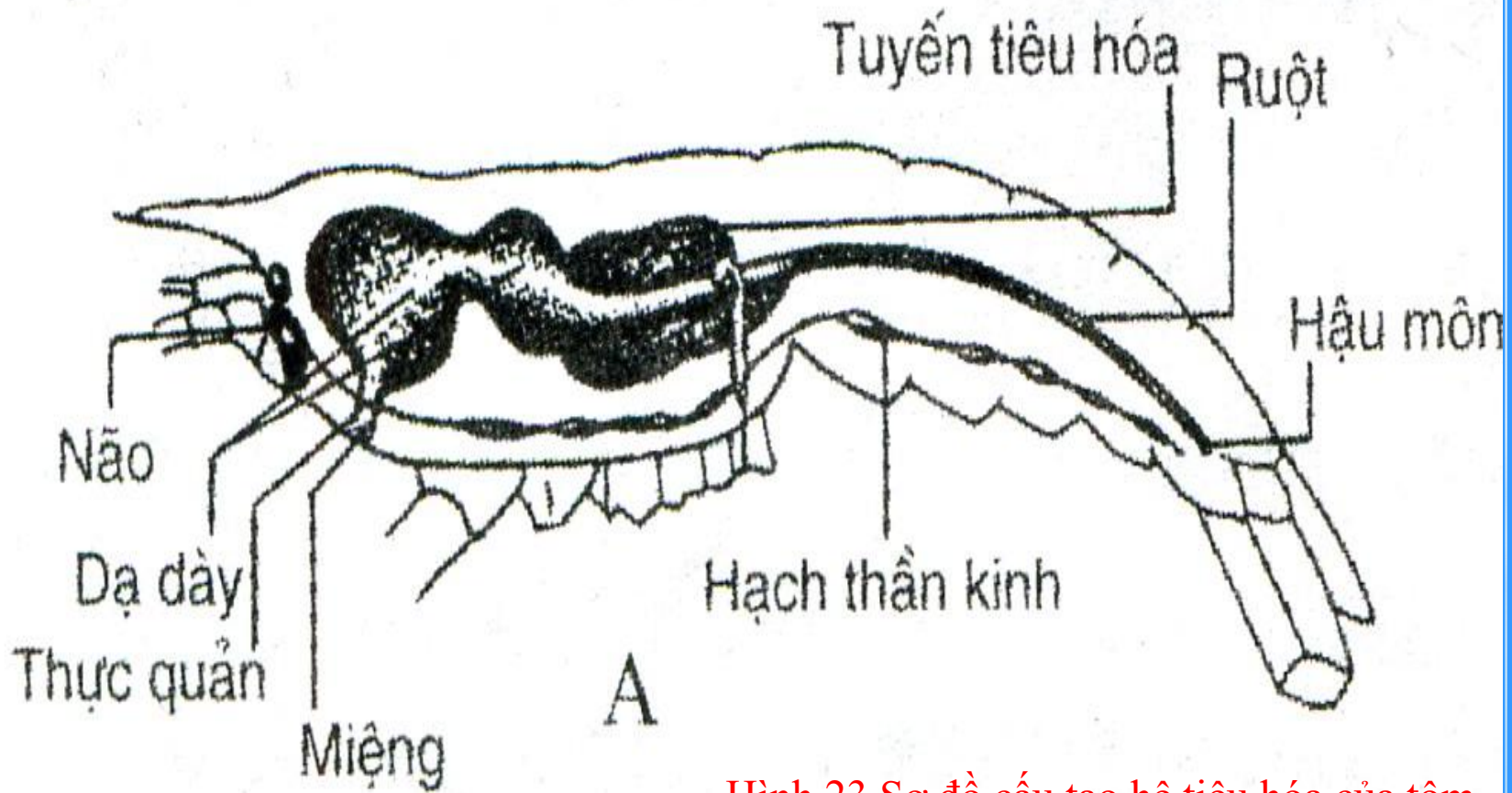


II. Dinh dưỡng:

BÀI 22: TÔM SÔNG

I. Cấu tạo ngoài và di chuyển:

II. Dinh dưỡng:



Hình 23. Sơ đồ cấu tạo hệ tiêu hóa của tôm

BÀI 22: TÔM SÔNG

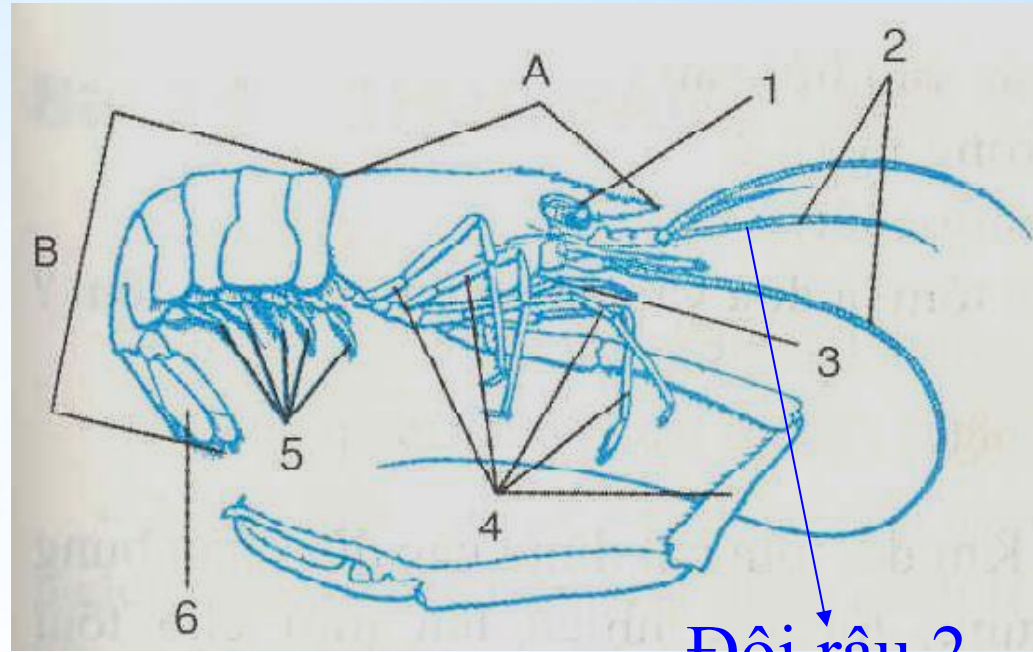
I. Cấu tạo ngoài và di chuyển:

II. Dinh dưỡng:



- Hô hấp: bằng mang
- Bài tiết: Qua tuyến bài tiết nằm ở gốc đôi râu thứ 2.

III. Sinh sản:



Đôi râu 2



Tôm hô hấp nhờ bộ phận nào? năng bài tiết?

BÀI 22: TÔM SÔNG

I. Cấu tạo ngoài và di chuyển:

II. Dinh dưỡng:

III. Sinh sản:

- Tôm phân tính
 - Con đực: chân càng to
 - Con cái: có tập tính ôm trứng (lúc sinh sản)
- Tôm cái đẻ trứng, trứng nở thành ấu trùng, ấu trùng phát triển thành tôm trưởng thành qua nhiều lần lột xác.

- Bộ phận nào đảm nhiệm việc ôm, giữ trứng và điều đó có ý nghĩa gì?



BÀI 24 : ĐA DẠNG VÀ VAI TRÒ CỦA LỚP GIÁP XÁC



I. giới thiệu một số lớp giáp xác



MỌT ẤM



CON SUN



CHÂN KIẾM



CUA ĐỒNG ĐỰC



CUA NHỆN



RẬN NƯỚC



TÔM Ở NHỜ

Mọt ẩm

Râu ngắn, các đôi chân đều bò được, là giáp xác thở bằng mang ở cạn nhưng chúng cần môi trường ẩm ướt.



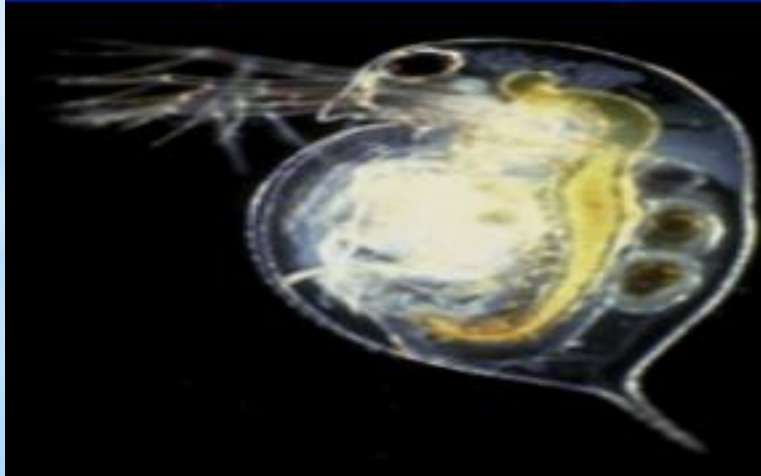
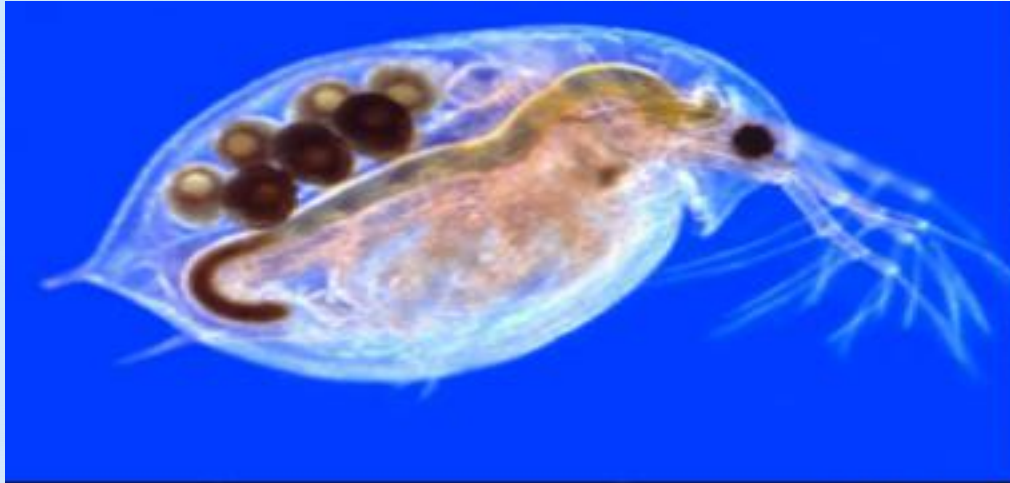


Hình 2: Con sun

Sống ở biển, con trưởng thành sống cố định, thường bám vào các vỏ tàu, thuyền làm giảm tốc độ di chuyển của phương tiện giao thông đường thủy

Rận nước

Sống ở nước, có kích thước khoảng 2 mm. Di chuyển nhờ vận động của đôi râu lớn. Rận nước mùa hạ chỉ sinh toàn con cái, là thức ăn chủ yếu của cá

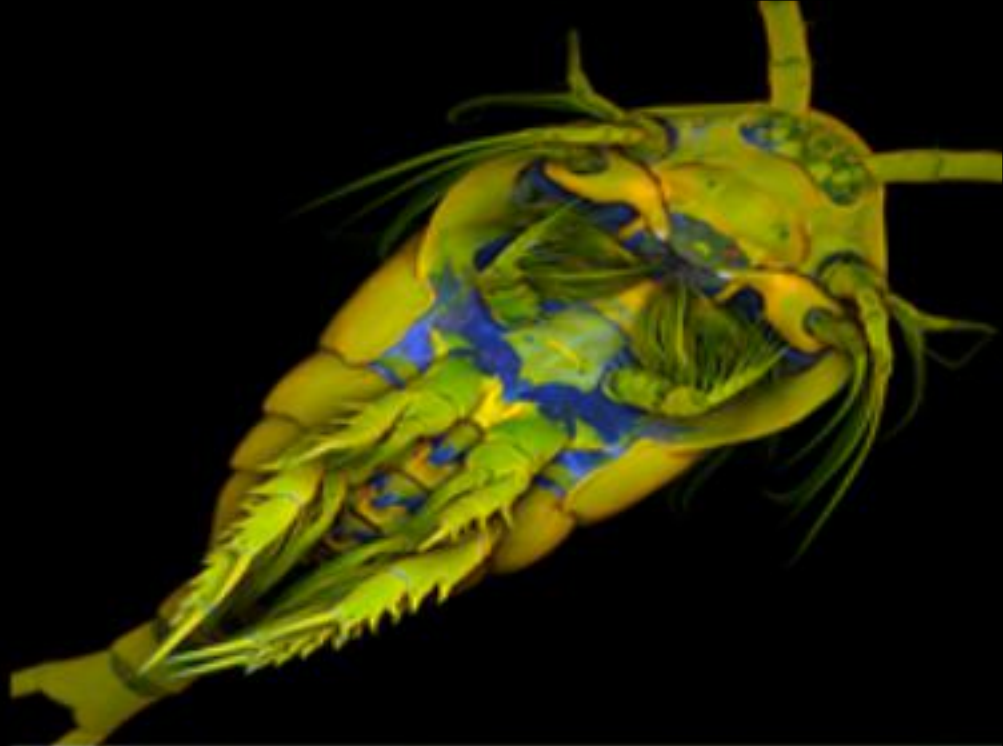


Rận nước





Chân kiểm





**Loài chân kiếm sống tự do,
kích thước và vai trò giống rận nước.**

Loài chân kiếm kí sinh ở cá: phần phụ tiêu
giảm, râu biến thành móc bám.





Cua đồng





Hình 24.5. Cua đồng đực

Phần bụng tiêu giảm (1) dẹp mỏng gập vào mặt bụng của mai (là giáp đầu ngực). Cua bò ngang, thích nghi lối sống ở hang hốc.



Sống ở biển, được coi là có kích thước lớn nhất trong giáp xác, nặng tới 7 kg. Chân dài giống chân nhện. Sải chân dài 1,5 m. Thịt ăn ngon.



Tôm ở nhò





Hình 24.7. Tôm ở nhờ

Có phần bụng vỏ mỏng và mềm (A), thường ẩn dấu vào chiếc vỏ ốc rỗng (B). Khi di chuyển chúng kéo vỏ ốc theo. Chúng sống cộng sinh với hải quỳ, hay gặp ở vùng ven biển nước ta.

Đặc điểm của một số loài giáp xác

Đại diện	Kích thước	Cơ quan di chuyển	Lối sống	Đặc điểm khác
Mọt ẩm	Nhỏ	Chân	ở cạn	Thở bằng mang
Sun	Nhỏ		Lối sống cố định	Sống bám vào vỏ tàu
Rận nước	Rất nhỏ	Đôi râu lớn	Sống tự do	Mùa hạ sinh toàn con cái
Chân kiếm	Rất nhỏ	Chân kiếm	Tự do, kí sinh	Kí sinh, phần phụ tiêu giảm
Cua đồng	Lớn	Chân bò	Hang hốc	Phần bụng tiêu giảm
Cua nhện	Rất lớn	Chân bò	Đáy biển	Chân dài giống nhện
Tôm ở nhờ	Lớn	Chân bò	Ẩn vào vỏ ốc	Phần bụng vỏ mỏng và mềm

II. Vai trò thực tiễn

STT	Các mặt có ý nghĩa thực tiễn	Tên các loài ví dụ	Tên các loài có ở địa phương
1	Thực phẩm đông lạnh	Tôm sú, tôm he	Tôm sú, tôm he
2	Thực phẩm khô	Tôm he, tôm bạc	Tôm bạc, tôm he
3	Nguyên liệu để làm mắm	Tôm, tép, khuyết, cáy	Tôm, tép, khuyết, cáy
4	Thực phẩm tươi sống	Tôm, cua, ghẹ, cua nhện, tôm càng xanh	Tôm, cua, ghẹ
5	Có hại cho giao thông thủy	Sun	Sun
6	Kí sinh gây hại cá	Chân kiếm kí sinh	Chân kiếm kí sinh



Làm thực phẩm



Gây cản trở giao thông thủy